TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đồng Quang Sơn.

2. Ông Nguyễn Đức Dân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường UBND xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 9 năm 1991; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm CM, xã QH, huyện TrKh, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn D, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên phân công:

Bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa, Luật sư văn phòng Luật sư Thanh Nghĩa, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn B, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn LT, xã PhTr, huyện ThO, thành phố Hà Nội.

2. Anh Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1992. (có mặt)

Trú tại: Xóm CM, xã QH, huyện TrKh, tỉnh Cao Bằng.

3. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1981. (có mặt)

Trú tại: Xóm CM, xã QH, huyện TrKh, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 40 phút ngày 01/12/2020 tại Km13, Quốc lộ X mới Thái Nguyên - Bắc Kạn, thuộc xã ThN, huyện PL, tổ công tác của phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10, BKS: 30F-198.47 có biểu hiện nghi vấn nên đã dừng xe kiểm tra phát hiện trên xe có 01 lái xe là người Việt Nam và 03 người Trung Quốc (02 nam, 01 nữ) gồm:

1. Lê Văn B, sinh năm 1986, nơi đăng ký HKTT: xã PhTr, huyện ThO, TP- Hà Nội, Thẻ CCCD số 001086023109, cấp ngày 27/3/2018, nơi cấp Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư là lái xe taxi biển kiểm soát 30F-198.47, hãng taxi "Hà Nội Sao".

2. SYL, giới tính: Nam, sinh năm 1986, quốc tịch: Trung Quốc, dân tộc: Hán, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Công nhân may, nơi đăng ký HKTT: Tòa cao ốc Y, đường TT, khu BK, thành phố TA, Trung Quốc, nghề nghiệp: Công nhân may, số CMND Trung Quốc: 350524198601265018, cấp ngày 24/12/2019, nơi cấp: Công an thành phố TA, Trung Quốc.

3. LCY, giới tính: Nữ, sinh năm 1987, quốc tịch: Trung Quốc, dân tộc: Hán, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Tự do, nơi đăng ký HKTT: Số Z TD, thôn TD, xã TK, huyện AK, tỉnh PK, Trung Quốc, số CMND Trung Quốc: 350524198711190627, cấp ngày 25/12/2017, nơi cấp: Công an huyện AK, Trung Quốc.

4. LJF, giới tính: Nam, sinh năm 1990, quốc tịch: Trung Quốc, dân tộc: Hán, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Tự do, nơi đăng ký HKTT: Số X1, tòa số X2, phường ThTr1, khu BL, thành phố TA, Trung Quốc, số CMND Trung Quốc: 350524199011305010, cấp ngày 24/12/2019, nơi cấp: Công an thành phố TA, Trung Quốc.

03 (ba) người Trung Quốc nêu trên chỉ xuất trình được thẻ căn cước công dân do Công an Trung Quốc cấp nhưng không xuất trình được giấy tờ nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam. Tổ công tác Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã bàn giao vụ việc cho Công an huyện PL. Ngày 02/12/2020, Công an huyện PL đã bàn giao vụ việc trên cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã xác định được đối tượng Dương Văn Đ, sinh năm 1991, trú tại xóm CM, xã QH, huyện TrKh, tỉnh Cao Bằng, sinh sống gần cột mốc 727 tại biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Từ đầu năm 2019, Đ thường xuyên qua lại biên giới buôn bán và quen một người đàn ông Trung Quốc tên "Gi" (Đ không biết rõ lai lịch, địa chỉ của Gi). Trong quá trình đó, Gi đặt vấn đề với Đ nếu Đ đưa đón được người qua biên giới Việt – Trung trái phép thì Gi sẽ chi tiền cho Đ. Khoảng 10 giờ 00 phút

ngày 01/12/2020, Gi nhắn tin qua phần mềm Wechat thuê Đ đón 03 khách người Trung Quốc từ địa điểm cách thành phố Hà Nội 100 km đi Cao Bằng đưa đến cột mốc biên giới 727 để Gi đón về Trung Quốc. Đ thỏa thuận với Gi tiền công là 2.000 tệ (Tương đương 6.600.000 đồng tiền Việt Nam), số tiền này Gi sẽ trả cho Đ sau khi Gi nhận được 03 người Trung Quốc qua biên giới. Sau đó Đ dùng số điện thoại 0375.498.831 của mình gọi vào số điện thoại 0984.535.898 của Lê Văn B, sinh năm 1986, trú tại thôn LT, xã PhTr, huyện ThO, TP. Hà Nội, là lái xe taxi Đ quen biết từ trước để thuê B đón 03 khách người Trung Quốc từ điểm cách thành phố Hà Nội 100 km đưa đến tỉnh Cao Bằng với giá 5.000.000 VNĐ, và thỏa thuận Đ sẽ trả tiền cho B khi đưa khách lên đến tỉnh Cao Bằng, B đồng ý. Đ chỉ nói với B đó là khách Trung Quốc mà không nói cho B biết về việc 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép qua biên giới. Sau đó, Gi cho Đ số điện thoại của người lái xe (không rõ họ tên, địa chỉ) đang đưa khách từ trong miền Nam ra để Đ cho B số điện thoại của người lái xe này để B tự liên hệ giao nhận khách. B và người này gọi điện thống nhất với nhau thay đổi địa điểm giao, nhận khách tại thành phố Hà Nội nhưng B không báo lại cho Đ nên Đ không biết việc thay đổi địa điểm đón khách. Nếu đón khách tại thành phố Hà Nội thì tiền công của B chỉ là 3.000.000 đồng như Đ đã thuê B trước đó. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, có 01 xe ôtô loại 05 chỗ màu trắng, B nhớ có BKS: 18A-489.xx (hai số cuối B không nhớ) đến điểm hẹn và người lái xe giao 03 khách Trung Quốc cho B. Sau đó, B điều khiển xe ôtô Huyndai i10, BKS: 30F-198.47 của B đưa 03 người Trung Quốc theo đường Quốc lộ X mới đi qua Thái Nguyên để đi Cao Bằng. Đến 23 giờ 40 phút cùng ngày, khi B điều khiển xe taxi đến địa phận thuộc xóm ĐĐ, xã YN, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thì bị tổ tuần tra Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra, phát hiện đưa B cùng 03 người Trung Quốc giao cho Công an huyện PL giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, Dương Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận của Dương Văn Đ phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, lịch sử liên lạc của các thuê bao cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, Dương Văn Đ còn khai nhận, trước đó từ ngày 28/11/2020 đến 30/11/2020, Đ đã được Gi thuê 01 lần đưa 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép và 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc (Đ không biết nhân thân, lai lịch cụ thể của những người nước ngoài này). Sau khi nhận khách của Gi, Đ đều thuê Lê Văn B đón khách từ thành phố Hà Nội lên Cao Bằng và ngược lại từ Cao Bằng xuống thành phố Hà Nội. Việc đón 03 người Trung Quốc tại tỉnh Cao Bằng giao cho Gi và nhận 04 người Trung Quốc giao từ biên giới để vào Việt Nam Đ thuê Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1992 và Hoàng Văn B, sinh năm 1981, cùng trú tại xóm CM, xã QH, huyện TrKh, tỉnh Cao Bằng thực hiện. Sau khi đưa đón 07 người nhập cảnh, xuất cảnh trái phép cho Gi, Gi đã trả tiền cho Đ, sau khi trừ các chi phí thuê B, Tr, B thì Đ được hưởng lợi số tiền là 1.200.000 đồng. Số tiền trên Đ đã tiêu sài

cá nhân hết, do 7 người này là người nước ngoài hiện không rõ tên tuổi, địa chỉ nên chưa thể ủy thác xác minh làm rõ được.

Tài sản tạm giữ, vật chứng vụ án gồm có:

1. Tạm giữ của 03 người Trung Quốc:

- LCY: 32.000.000 VNĐ (ba mươi hai triệu đồng) và 2.150 tệ (hai nghìn một trăm năm mươi nhân dân tệ)

- SYL: 17.000.000 VNĐ (mười bảy triệu đồng); 343,5 tệ (ba trăm bốn mươi ba phẩy năm nhân dân tệ) và 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Vivo, IMEI1: 867989042151411, IMEI2: 867989042151403 bên trong có 01 sim Viettel số 0356.685.391.

- LJF: 4.040.000 VNĐ (bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Honor, IMEI1: 866493044153663, IMEI2: 866493044223543 bên trong có 01 sim Viettel số 0389.004.497.

Ngày 07/12/2020, Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh Thái Nguyên đã bàn giao số đồ vật, tài liệu trên cho Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Thái Nguyên và ngày 10/12/2020, Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Thái Nguyên đã trao trả cho SYL, LCY, LJF.

2. Tạm giữ của Dương Văn Đ

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mặt sau điện thoại màu đỏ đen, mặt trước điện thoại màu đen. IMEI 1: 865950049360753; IMEI 2: 865950049360746 bên trong máy không có sim điện thoại. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **G.**

- 01 (một) Sim viettel seri: 8984048000069517544 và 01 (một) sim vinaphone seri: 89840200011148949496. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **K.**

3. Tạm giữ của Lê Văn B

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Mi, màu hồng, có số IMEI 1: 866657031234784; IMEI 2: 866657031234792 có lắp sim viettel số: 0364855181. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **B2;**

- 01(một) Sim điện thoại di động số 0984535898. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **Y.**

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng cát, bị vỡ góc màn hình phía trên bên trái, số IMEI 1: 359752073400858/01; IMEI 2: 359753073400856/01 có lắp sim điện thoại số 0877522226. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **X.**

- Số tiền: 3.000.000đ (tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) hiện đang gửi tại tài khoản của Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra còn tạm giữ:

- 01 (một) Căn cước công dân số 001086023109 mang tên Lê Văn B;

- 01 (một) Giấy phép lái xe số 010095039616 mang tên Lê Văn B;

- 01 (một) xe ô tô Huyndai i10, đã qua sử dụng, màu bạc, 05 chỗ, biển kiểm soát 30F - 198.47, số máy: G4LAJM792678, số khung: S1DAJN017979;

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 453968 mang tên Lê Văn B.

Số vật chứng này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Lê Văn B quản lý và sử dụng.

4. Tạm giữ của Đặng Hoàng Tr

- 01 (một) Điện thoại di động Iphone 6s Plus màu hồng. Có số IMEI: 353295074192443; MEID: 35329507419244 bên trong điện thoại có lắp 01 sim viettel số: 0964887084. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **T1;**

- 01 (một) Điện thoại di động OPPO F1S màu hồng IMEI 1: 861216039364294; IMEI 2: 861216039364286 bên trong có lắp 02 sim điện thoại, trong đó 01 sim có số: 0976620557 và một sim điện thoại chưa xác định được số điện thoại (do đã bị khóa). Niêm phong trong bì thư ký hiệu **T2;**

Tổng 02 (hai) khoản được bảo quản tại Kho vật chứng, Công an tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra còn tạm giữ:

- 01 (một) Xe ô tô Mitshubishi màu xám, biển kiểm soát 28A - 050.75, số máy 6G72RN9260, số khung V33V41000147 (xe cũ đã qua sử dụng).

- 01 (một) Đăng ký xe số 007426 mang tên Nguyễn Bá Lâm, sinh năm 1979, trú tại xóm chùa, Thống Nhất, Hòa Bình, Hòa Bình.

Số vật chứng này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Đặng Hoàng Tr quản lý và sử dụng.

5. Tạm giữ của Hoàng Văn B

- 01 (một) Điện thoại OPPO màu vàng, số seri: 6cff9a05, IMEI 1: 865266035265959, IMEI 2: 865266035265942 bên trong điện thoại lắp 02 sim, số: 0838940198 và 0359767834. Niêm phong trong bì thư ký hiệu **HVB2** được bảo quản tại Kho vật chứng, Công an tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 12/CT – VKS (P1), ngày 19/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Dương Văn Đ về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Văn B không có đề nghị gì về số tiền 3.000.000đ đã nộp tại Cơ quan điều tra là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của Đ.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn Đ phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 3.000.000đ (thu giữ của Lê Văn B).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI, được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2. (thu giữ của Lê Văn B).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, được niêm phong trong phong bì ký hiệu G (thu giữ của Dương Văn Đ).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2. (thu giữ của Đặng Hoàng Tr).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, có số seri: 6cff9a05, IMEI 1: 865266035265959, IMEI 2: 86526603525942, được niêm phong trong phong bì ký hiệu HVB2 (thu giữ của Hoàng Văn B).

- Trả lại cho Lê Văn B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu X;

- Trả lại cho Đặng Hoàng Tr: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1.

- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại được niêm phong trong các phong bì ký hiệu: K, Y.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép", quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội và miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, tuy nhiên trong vụ án có đương sự là người nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Dương Văn Đ có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại vùng biên giới Việt Nam-Trung Quốc, do đã thuộc địa hình và thường xuyên sang Trung Quốc buôn bán. Đ đã quen biết một người đàn ông tên Gi là người Trung Quốc và thống nhất với Gi sẽ tổ chức cho người khác vượt biên trái phép sang Việt Nam và ngược lại để hưởng lợi, số tiền thu lợi sẽ thỏa thuận theo từng lần, từng người.

Ngày 01/12/2020, Gi thông tin cho Đ để Đ tổ chức cho 03 người Trung Quốc từ Hà Nội lên Cao Bằng và vượt biên giới trái phép thuộc tỉnh Cao Bằng sang Trung Quốc, trót lọt sẽ cho Đ 2.000 nhân dân tệ, Đ đồng ý và đã thuê xe Taxi đưa 3 người Trung Quốc gồm: SYL, giới tính: Nam, sinh năm 1986; LCY, giới tính: Nữ, sinh năm 1987; LJF, giới tính: Nam, sinh năm 1990, khi đi đến địa phận xã YN, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thì bị Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Dương Văn Đ về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép", theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 348 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

...

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm Tr và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý người xuất, nhập cảnh qua biên giới của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự xã hội, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh Covid-19. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân

tốt; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Vật chứng vụ án: Số tiền 3.000.000đ do Lê Văn B giao nộp, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của Đ; 04 chiếc điện thoại thu giữ của Đ, B, Tr, B đã sử dụng liên lạc để Đ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 02 chiếc điện thoại thu giữ của B và Tr không liên quan đến vụ án cần trả lại cho B và Tr quản lý, sử dụng; 03 chiếc sim điện thoại thu giữ của Đ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về hình phạt bổ sung và án phí HSST: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí HSST và tiền phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án này:

Đối với người mà Đ khai tên là "Gi", Đ chỉ biết người này ở Trung Quốc không rõ địa chỉ cụ thể, dữ liệu liên hệ với "Gi" trên phần mềm Wechat Đ cũng đã xóa khỏi điện thoại, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Ba người có quốc tịch Trung Quốc gồm: SYL, LCY, LJF. Sau khi tra cứu thông tin tại Cục quản lý xuất, nhập cảnh - Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với SYL, LCY, LJF về hành vi "qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục xuất nhập cảnh" theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 17 Nghị định 167/NĐ-CP và bàn giao cho Cơ quan chức năng Trung Quốc.

Ngày 28, 30 tháng 11 năm 2020, Đ đã tổ chức 02 lần cho 07 người (Trung Quốc) xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Đến nay tài liệu điều tra chưa làm rõ được 07 người đã được Đ và đồng phạm tổ chức xuất cảnh, nhập cảnh trái phép là con người cụ thể nào do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn B: Tài liệu điều tra đến nay chưa đủ căn cứ xác định Bình đồng phạm với Đ về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Cơ quan điều tra tiếp tục củng cố tài liệu làm rõ hành vi vi phạm của Lê Văn B để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn Đ phạm tội: *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Dương Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Dương Văn Đ 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), thu giữ của Lê Văn B.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI, được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2 (của Lê Văn B);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, được niêm phong trong phong bì ký hiệu G (thu giữ của Dương Văn Đ).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2. (thu giữ của Đặng Hoàng Tr).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, được niêm phong trong phong bì ký hiệu HVB2 (thu giữ của Hoàng Văn B).

- **Trả lại cho Lê Văn B:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu X.

- **Trả lại cho Đặng Hoàng Tr:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 03 sim điện thoại được niêm phong trong các phong bì ký hiệu: K, Y.

(Vật chứng vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng số 32 ngày 18/3/2021; Số tiền theo ủy nhiệm chi số 116 ngày 09/3/2021 của kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuân